

Biểu GNBV - 01

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2021,
NĂM 2022 ĐÃ THU HỒI VỀ NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

				Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo			Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng		
				Lĩnh vực chi: Sự nghiệp kinh tế			Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		
		Tổng	NSTW	Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	NSTW	NSDP
	TỔNG	1.663,391169	1.663,391169	74,15099	74,15099	-	1.589,240179	1.589,240179	-
	I. Cấp tỉnh	158,9	158,9	-	-	-	158,9	158,9	-
1	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	158,9	158,9	-	-	-	158,9	158,9	-
	II. Cấp huyện	1.504,491169	1.504,491169	74,15099	74,15099	-	1.430,340179	1.430,340179	-
1	Thành phố Bắc Kạn	94,6	94,6	4,6	4,6	-	90,0	90,0	-
2	Huyện Pác Nặm	261,6	261,6	12,9	12,9	-	248,7	248,7	-
3	Huyện Ba Bể	204,2	204,2	10,1	10,1	-	194,1	194,1	-
4	Huyện Ngân Sơn	246,2	246,2	12,1	12,1	-	234,1	234,1	-
5	Huyện Bạch Thông	149,8	149,8	7,4	7,4	-	142,4	142,4	-
6	Huyện Chợ Đồn	169,2	169,2	8,3	8,3	-	160,9	160,9	-
7	Huyện Chợ Mới	163,4	163,4	8,1	8,1	-	155,3	155,3	-
8	Huyện Na Rì	215,5	215,5	10,65099	10,65099	-	204,840179	204,840179	-

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ ÁN 2: ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

(Kèm theo Thuyết minh Trình số 25/TTr-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã		Tổng số các hệ số tiêu chí 1 và 2 (Xi)	Tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn Yi = HN _i * 2,5 + ĐVi	Tổng điểm	Vốn NSTW bình quân (Q)	Vốn NSDP bình quân (Q)	KH vốn NSTW năm 2024 (triệu đồng)	Làm tròn
		Số liệu thống kê	Quy đổi ra Hệ số	Số liệu thống kê	Quy đổi ra Hệ số	Số liệu thống kê huyện nghèo	Quy đổi ra Hệ số (HN _i)	Số liệu thống kê	Quy đổi ra Hệ số (ĐVi)							
A	B	C	1	D	2	E	3	F	4	5 = 2+4	6 = 3*2,5+4	7=5*6	8	9	10 = 7*8	12
	Tổng														74,15099	74,15099
I	CẤP TỈNH														-	-
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội														-	-
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn														-	-
II	CẤP HUYỆN			29.881				108				12,71			74,15099	74,15099
1	Thành phố Bắc Kạn	3,8	0,4	457	0,4			8	1,00	0,80	1,00	0,80	6	-	4,7	4,6
2	Huyện Pác Nặm	69,15	0,9	5.156	0,8	X	0,12	10	1,00	1,70	1,30	2,21	6	-	12,9	12,9
3	Huyện Ba Bể	41,64	0,7	5.061	0,8			15	1,15	1,50	1,15	1,73	6	-	10,1	10,1
4	Huyện Ngân Sơn	63,42	0,9	4.717	0,7	X	0,12	10	1,00	1,60	1,30	2,08	6	-	12,1	12,1
5	Huyện Bạch Thông	30,96	0,6	2.684	0,5			14	1,15	1,10	1,15	1,27	6	-	7,4	7,4
6	Huyện Chợ Đồn	27,12	0,5	3.579	0,6			20	1,30	1,10	1,30	1,43	6	-	8,3	8,3
7	Huyện Chợ Mới	33,4	0,6	3.459	0,6			14	1,15	1,20	1,15	1,38	6	-	8,1	8,1
8	Huyện Na Rì	46,84	0,7	4.768	0,7			17	1,30	1,40	1,30	1,82	6	-	10,61800	10,65099

Ghi chú: Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 15% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 85% cho các địa phương

- Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i.X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i.Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i, được tính theo công thức: Y_i = HN_i x 2,5 + ĐViHN_i là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ i.

ĐVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i.

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn NSTW là 42.316 triệu đồng và vốn NSDP đối ứng: 1.269 triệu đồng) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Dự án 2.

THUYẾT MINH PHÂN BỐ TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 3: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Thuyết minh Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã		Tổng số các hệ số tiêu chí 1 và 2 (Xi)	Tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn $Y_i = HN_i * 2,5 + ĐV_i$	Tổng điểm	Vốn NSTW bình quân (Q)	Vốn NSDP bình quân (Q)	KH vốn NSTW năm 2024 (triệu đồng)	Làm tròn
		Số liệu thống kê	Quy đổi ra Hệ số	Số liệu thống kê	Quy đổi ra Hệ số	Số liệu thống kê huyện nghèo	Quy đổi ra Hệ số (HN _i)	Số liệu thống kê	Quy đổi ra Hệ số (ĐV _i)							
A	B	C	1	D	2	E	3	F	4	5 = 2+4	6 = 3*2,5+4	7=5*6	8	9	10 = 7*8	11
	Tổng														1.589,24	1.589,240179
I	CẤP TỈNH														158,92	158,9
1	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn														158,92	158,9
II	CẤP HUYỆN			29.881				108				12,71			1.430,32	1.430,340179
1	Thành phố Bắc Kạn	3,8	0,4	457	0,4			8	1,00	0,80	1,00	0,80	113	-	90,03	90,0
2	Huyện Pác Nặm	69,15	0,9	5.156	0,8	X	0,12	10	1,00	1,70	1,30	2,21	113	-	248,70	248,7
3	Huyện Ba Bể	41,64	0,7	5.061	0,8			15	1,15	1,50	1,15	1,73	113	-	194,12	194,1
4	Huyện Ngân Sơn	63,42	0,9	4.717	0,7	X	0,12	10	1,00	1,60	1,30	2,08	113	-	234,07	234,1
5	Huyện Bạch Thông	30,96	0,6	2.684	0,5			14	1,15	1,10	1,15	1,27	113	-	142,36	142,4
6	Huyện Chợ Đồn	27,12	0,5	3.579	0,6			20	1,30	1,10	1,30	1,43	113	-	160,92	160,9
7	Huyện Chợ Mới	33,4	0,6	3.459	0,6			14	1,15	1,20	1,15	1,38	113	-	155,30	155,3
8	Huyện Na Rì	46,84	0,7	4.768	0,7			17	1,30	1,40	1,30	1,82	113	-	204,81	204,840179

Ghi chú: Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương

- Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i.X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i.Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i, được tính theo công thức: Y_i = HN_i x 2,5 + ĐV_iHN_i là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ i.ĐV_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i.

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn NSTW là 17.493 triệu đồng và vốn NSDP đối ứng: 525 triệu đồng) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiêu dự án 1, Dự án 3.